

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 346 /ĐTMT

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 3 năm 2024

V/v: Công bố thông tin định kỳ

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Mã chứng khoán: UDL

- Mã số doanh nghiệp: 6000179936

- Địa chỉ: Số 01 đường Đào Duy Từ - Phường Thống Nhất - Thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk;

- Số điện thoại: 0262. 3816886

- Số fax: 0262. 3816886

- Email: dakurenco@moitruongdothidaklak.com.vn

2. Nội dung công bố thông tin

Công ty cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk công bố thông tin “Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2023”.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/3/2024 tại đường dẫn: moitruongdothidaklak.com.vn (mục quan hệ cổ đông).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKT (để báo cáo);
- Website CTy (thay thông báo);
- Lưu: VT



Bùi Văn Quý

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk

- Mã chứng khoán: UDL
- Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
- Điện thoại liên hệ/Tel: Fax:
- Email: Website:

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/3/2024 tại đường dẫn: moitruongdothidaklak.com.vn (mục: Quan hệ cổ đông).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:
- BCTC 2023.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Quý

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000179936 ngày 05/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/05/2023), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 885/QĐ-SGDHN ngày 31/12/2019.

Mã chứng khoán là UDL.

Vốn điều lệ: 66.200.000.000 đồng.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2023: 66.200.000.000 đồng.

Trụ sở chính

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: (0262) 3813047

Fax: (0262) 3813047

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

3.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Thành viên	16/05/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	16/05/2019	
Ông Lê Đình Trung	Thành viên	16/05/2019	
Bà Lê Thị Oanh	Thành viên	28/04/2021	

3.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Chính	Trưởng ban	16/05/2019	
Bà Phan Thị Thùy Phương	Thành viên	16/05/2019	
Bà Phạm Ngọc Trâm	Thành viên	29/04/2022	

4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	04/07/2019	
Ông Lê Nguyên Vũ	Kế toán trưởng	04/07/2019	

4. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch	16/05/2019	
Ông Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	04/07/2019	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 41.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đính kèm. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN THANH HÀ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đắk Lắk, Ngày 21 tháng 03 năm 2024



Số: 20/2024/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Trần Xuân Thạnh – Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2896-2024-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		115.646.756.581	121.804.774.528
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		6.112.165.549	6.564.619.437
111	1. Tiền	V.1	6.112.165.549	6.564.619.437
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		46.000.000.000	32.800.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	46.000.000.000	32.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.489.969.962	78.926.545.879
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	54.115.982.714	76.121.236.961
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.551.599.767	422.291.869
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	3.977.042.587	2.537.672.155
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(154.655.106)	(154.655.106)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	3.865.472.626	3.296.459.445
141	1. Hàng tồn kho		3.865.472.626	3.296.459.445
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		179.148.444	217.149.767
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	38.001.323
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	179.148.444	179.148.444
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		340.899.279.329	416.146.556.255
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		114.714.857.740	128.799.257.758
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	114.714.857.740	128.777.590.758
222	- Nguyên giá		329.897.148.282	326.530.839.753
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(215.182.290.542)	(197.753.248.995)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	21.667.000
228	- Nguyên giá		308.000.000	308.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(308.000.000)	(286.333.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		222.131.366.806	283.353.274.673
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	222.131.366.806	283.353.274.673
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		3.152.000.000	3.152.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	3.152.000.000	3.152.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		901.054.783	842.023.824
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	901.054.783	842.023.824
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		456.546.035.910	537.951.330.783

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59.779.056.346	74.312.712.826
310	I. Nợ ngắn hạn		59.758.056.346	74.312.712.826
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	5.094.326.950	11.394.836.512
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.932.886.550	2.406.511.702
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	4.439.245.276	2.827.425.168
314	4. Phải trả người lao động	V.15	22.622.355.497	24.713.498.829
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	355.989.618	170.190.899
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	6.677.884.878	10.156.457.753
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	11.240.230.187	14.996.851.055
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	7.395.137.390	7.646.940.908
330	II. Nợ dài hạn		21.000.000	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	21.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		396.766.979.564	463.638.617.957
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	95.924.333.756	94.409.118.406
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		66.200.000.000	66.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.200.000.000	66.200.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.285.000.000	985.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.20	25.439.333.756	27.224.118.406
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.887.118.406	16.197.795.990
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.552.215.350	11.026.322.416
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	V.21	300.842.645.808	369.229.499.551
431	1. Nguồn kinh phí		222.352.389.042	283.892.504.785
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		78.490.256.766	85.336.994.766
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		456.546.035.910	537.951.330.783

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ

Buôn Ma Thuột, ngày 21 tháng 03 năm 2024



BUI VĂN QUÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

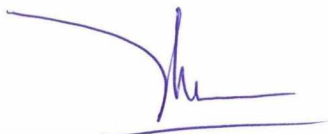
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	171.229.870.686	167.566.555.580
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	4.522.367.004	985.133.350
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		166.707.503.682	166.581.422.230
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	143.215.791.943	140.291.764.678
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.491.711.739	26.289.657.552
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.698.348.963	2.256.487.281
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	194.743.391	202.102.866
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		194.743.391	202.102.866
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	12.833.061.397	11.993.205.690
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.162.255.914	16.350.836.277
31	11. Thu nhập khác	VI.7	589.026.293	366.318.569
32	12. Chi phí khác	VI.8	176.535.977	2.525.441.961
40	13. Lợi nhuận khác		412.490.316	(2.159.123.392)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.574.746.230	14.191.712.885
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.9	3.022.530.880	3.165.390.469
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.552.215.350	11.026.322.416
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.571	1.499
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	1.571	1.499

Buôn Ma Thuột, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRẦN THỊ THẢO

LÊ NGUYỄN VŨ

LÊ VĂN QUÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		196.653.885.197	147.488.834.675
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(62.673.985.884)	(58.239.045.095)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(76.750.028.937)	(68.000.055.875)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.17, VI.5	(174.378.979)	(180.573.785)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(2.687.259.640)	(2.070.523.667)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.446.301.417	6.042.692.851
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.463.034.830)	(29.503.557.056)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.351.498.344	(4.462.227.952)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.221.364.691)	(18.629.741.140)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	550.930.689
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(46.000.000.000)	(36.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.800.000.000	38.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.185.753.327	2.064.013.637
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.235.611.364)	(14.814.796.814)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.18	11.240.230.187	14.996.851.055
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14.996.851.055)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.811.720.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.568.340.868)	14.996.851.055
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(452.453.888)	(4.280.173.711)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.564.619.437	10.844.793.148
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	6.112.165.549	6.564.619.437

Buôn Ma Thuột, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRẦN THỊ THẢO

LÊ NGUYỄN VŨ

BÙI VĂN QUÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị và Môi trường Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh khoản 1, Điều 1 Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000179936 ngày 05/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/05/2023), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 885/QĐ-SGDHN ngày 31/12/2019.

Mã chứng khoán là UDL.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó chủ yếu là: dịch vụ xây lắp và dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải, trồng, chăm sóc cây xanh đô thị, điện chiếu sáng công cộng, xử lý nước thải, thoát nước mưa.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết hoạt động công ích: Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình công cộng, đô thị (bao gồm: Hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, các tuyến đường nội thành, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý thoát nước thải, nghĩa trang, nhà tang lễ, lâm viên cảnh, hoa viên, công viên, tượng đài, bãi rác, cây xanh đường phố);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình dân dụng, giao thông (cầu đường), xây lắp điện, sơn kẻ vạch đường;
- Sản xuất linh kiện điện tử. Chi tiết: Sản xuất biển báo giao thông;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất giống cây xanh, hoa và cây cảnh các loại;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Chi tiết: Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh, cỏ thảm;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước mưa, nước thải;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc và bảo quản cây xanh đường phố, công viên, tượng đài, rừng cảnh quan;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ hút hầm vệ sinh, rửa xe ô tô;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý hệ thống nước thải, tưới tiêu trong nông nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, không có đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 742 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/01/2023 là 676 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 04

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Phần mềm quản lý thông tin khách hàng và thu phí vệ sinh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	718.804.085	725.575.826
- Tiền gửi ngân hàng	5.393.361.464	5.839.043.611
+ Vietcombank - CN Đắk Lắk (VND)	99.766.212	18.927.561
+ Kho bạc Nhà nước Đắk Lắk (VND)	336.452.786	1.481.985.840
+ BIDV - CN Đắk Lắk (VND)	4.953.592.227	4.322.627.833
+ NH TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk (VND)	3.550.239	15.502.377
Cộng	6.112.165.549	6.564.619.437

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm	46.000.000.000	46.000.000.000	31.800.000.000	31.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	32.000.000.000	32.000.000.000	31.800.000.000	31.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	14.000.000.000	14.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	46.000.000.000	46.000.000.000	32.800.000.000	32.800.000.000

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm				
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	3.152.000.000	-	3.152.000.000	-
Cộng	3.152.000.000	-	3.152.000.000	-

Tại ngày 31/12/2023 Công ty đang cầm cố, thế chấp các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 08/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024, số tiền gửi 5.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk để thế chấp cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023/9313798/HĐTD (xem thuyết minh số V.18);
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024, số tiền gửi 4.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk để thế chấp cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 03/2023/9313798/HĐTD (xem thuyết minh số V.18);
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024, số tiền gửi 5.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk để thế chấp cho hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 04/2023/9313798/HĐTD (xem thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	54.115.982.714	76.121.236.961
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng TP Buôn Ma Thuột (*)	51.147.762.062	70.410.000.853
Phòng quản lý đô thị	131.539.000	2.725.025.000
Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tâm Thắng	574.127.000	638.000.000
Các đối tượng khác	2.262.554.652	2.348.211.108
Cộng	54.115.982.714	76.121.236.961

(*) Phải thu Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột tiền dịch vụ công ích về quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng, chăm sóc cây xây hoa cây cảnh, duy trì chăm sóc cây xanh đường phố, thu gom vận chuyển rác thải, xử lý nước rỉ rác, xử lý rác thải, quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải và một số dịch vụ khác do Ban QLDA làm chủ đầu tư.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	1.551.599.767	422.291.869
Công ty cổ phần thiết bị vật tư Minh Hải (*)	720.000.000	-
Công ty CP Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi Đắk Lắk	-	43.605.000
Công ty TNHH Tư vấn NLN và DV Phương Bắc (**)	59.368.000	59.368.000
Công ty CP Công nghệ xử lý nước và Môi trường ETM - CN Hồ Chí Minh	-	51.311.080
Công ty TNHH TMDV SX In ấn Quảng cáo Năng	-	70.074.000
Các đối tượng khác	772.231.767	197.933.789
Cộng	1.551.599.767	422.291.869

(*) Ứng trước theo hợp đồng số 018/DAKLAK-MH/2023, ngày 30/06/2023, về việc mua 02 xe ô tô chở rác – Huynhdai EX8 GTS2 E160.

(**) Ứng trước theo hợp đồng số 15/2021/HĐ-TV ngày 16/8/2021 về việc điều tra hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp, lập phương án quản lý rừng bền vững khu vực rừng cảnh quan hồ Eakao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu khác là các đối tượng khác	3.977.042.587	-	2.537.672.155	-
Lãi dự thu	3.228.511.122	-	1.715.915.486	-
Tạm ứng	191.789.708	-	238.534.284	-
Phải thu nhân viên về BHXH	457.220.757	-	437.403.196	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.200.000	-	13.200.000	-
Phải thu khác	86.321.000	-	132.619.189	-
Cộng	3.977.042.587	-	2.537.672.155	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	154.655.106	154.655.106
Cộng	154.655.106	154.655.106

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	154.655.106	154.655.106
Tăng trong năm	-	-
Hoàn nhập trong năm	-	-
Cộng	154.655.106	154.655.106

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.077.508.697	-	1.364.583.556	-
Công cụ, dụng cụ	137.590.318	-	87.074.429	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.650.373.611	-	1.844.801.460	-
Cộng	3.865.472.626	-	3.296.459.445	-

- Nguyên vật liệu là dầu diesel, nhớt, các vật tư dùng để xây dựng mộ, bóng đèn, tụ điện, ống nước và một số vật liệu khác.
- Công cụ dụng cụ là thùng rác, chổi quét rác
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị xây dựng dở dang các công trình xây dựng mộ chưa hoàn thành tại 31/12/2023.
- Cuối năm, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2023.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	209.099.872.559	43.283.931.561	72.663.898.946	1.281.776.687	201.360.000	326.530.839.753
Tăng trong năm	-	-	3.366.308.529	-	-	3.366.308.529
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	209.099.872.559	43.283.931.561	76.030.207.475	1.281.776.687	201.360.000	329.897.148.282
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	25.926.398.233	24.614.036.975	72.602.923.475	1.281.776.687	201.360.000	124.626.495.370
- TSCĐ dùng công ích	178.643.107.326	18.669.894.586	1.992.101.000	-	-	199.305.102.912
- TSCĐ dùng phúc lợi	4.530.367.000	-	1.435.183.000	-	-	5.965.550.000
Khấu hao						
Số đầu năm	111.821.372.781	27.994.100.619	56.507.316.908	1.229.098.687	201.360.000	197.753.248.995
Hao mòn trong năm	5.762.990.000	1.199.892.000	208.588.000	-	-	7.171.470.000
Khấu hao trong năm	2.313.911.000	2.761.000.547	5.140.928.000	41.732.000	-	10.257.571.547
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	119.898.273.781	31.954.993.166	61.856.832.908	1.270.830.687	201.360.000	215.182.290.542
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	15.221.736.881	22.617.604.166	59.457.097.908	1.270.830.687	201.360.000	98.768.629.642
- TSCĐ dùng công ích	103.332.530.900	9.337.389.000	1.165.479.000	-	-	113.835.398.900
- TSCĐ dùng phúc lợi	1.344.006.000	-	1.234.256.000	-	-	2.578.262.000
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	91.515.509.778	14.089.938.942	15.947.994.038	52.678.000	-	128.777.590.758
Số cuối năm	89.201.598.778	11.328.938.395	14.173.374.567	10.946.000	-	114.714.857.740
Trong đó:						
- TSCĐ dùng kinh doanh	10.704.661.352	1.996.432.809	13.145.825.567	10.946.000	-	25.857.865.728
- TSCĐ dùng công ích	75.310.576.426	9.332.505.586	826.622.000	-	-	85.469.704.012
- TSCĐ dùng phúc lợi	3.186.361.000	-	200.927.000	-	-	3.387.288.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 74.534.304.661 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 0 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2023.

Trong tổng nguyên giá của Tài sản cố định tại ngày 31/12/2023 bao gồm giá trị của 07 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý và sử dụng. Tại thời điểm nhận bàn giao, Công ty đang ghi nhận tăng giá trị tài sản cố định hữu hình và phải trả khác cho UBND tỉnh Đắk Lắk (xem thuyết minh số V.17). Hàng năm số tiền khấu hao sẽ được nộp trả cho ngân sách nhà nước. Chi tiết nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại tại 31/12/2023 cụ thể:

STT	Tên TSCĐ	Biển kiểm soát	Nguyên giá đã có thuế	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại
I	Máy móc, thiết bị		7.818.634.547	7.818.634.547	-
1	Máy ủi bánh xích Caterpillar	47XA-1047	7.818.634.547	7.818.634.547	-
II	Phương tiện vận tải		10.710.753.349	7.370.744.000	3.340.009.349
1	Xe xi téc chở nước HINO	47C-15599	1.702.083.108	886.973.000	815.110.108
2	Xe tải ben tự đổ	47C-15650	2.143.079.465	1.116.783.000	1.026.296.465
3	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15655	1.647.059.493	1.331.888.000	315.171.493
4	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15642	1.647.059.493	1.265.388.000	381.671.493
5	Xe cuốn ép rác 9m ³	47C-15640	1.647.059.493	1.214.405.000	432.654.493
6	Xe cuốn ép rác 15m ³	47C-15575	1.924.412.297	1.555.307.000	369.105.297
Cộng			18.529.387.896	15.189.378.547	3.340.009.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	208.000.000	78.333.000	286.333.000
Khấu hao trong năm	-	21.667.000	21.667.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	208.000.000	100.000.000	308.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	21.667.000	21.667.000
Số cuối năm	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 308.000.000 đồng. Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 31/12/2023.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm trong năm	855.056.162	-
Xây dựng cơ bản	221.276.310.644	283.353.274.673
- CT xây dựng tiểu hoa viên góc Ngô gia tự- Tôn đức thắng	3.604.485.000	3.604.485.000
- CT quy hoạch bãi chôn lấp CTR tại phía nam TP BMT (Hòa Phú)	217.671.825.644	216.567.041.673
- Xây dựng mở rộng Nghĩa trang TP	-	63.181.748.000
Cộng	222.131.366.806	283.353.274.673

Không có tài sản xây dựng cơ bản dở dang dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023.

Toàn bộ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang ở trên đây là giá trị đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp cấp, không phải là tài sản kinh doanh của công ty. Các công trình này đang trong quá trình trình phê duyệt quyết toán hoàn thành để ngân sách cấp bổ sung vốn thanh toán sau khi hoàn tất sẽ bàn giao về cho Nhà nước quản lý sử dụng.

5-0
 HẠN
 TỶ TI
 VÀ T
 N V
 TAI
 NĂM
 J-TT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	684.354.743	527.835.773
- Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	216.700.040	314.188.052
Cộng	901.054.783	842.023.824

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	842.023.824	457.112.126
Tăng trong năm	1.460.921.463	1.629.734.492
Phân bổ trong năm	(1.401.890.504)	(1.244.822.794)
Số dư cuối năm	901.054.783	842.023.824

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VII.1.c)	-	1.279.308.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	-	1.279.308.000
Phải trả người bán là các đối tượng khác	5.094.326.950	10.115.528.512
Cty TNHH SX TM & XD Thiên Minh	719.083.080	-
HKD Nguyễn Thị Vân	391.520.000	1.970.695.000
Công ty TNHH Máy Xây dựng Việt Nhật	900.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Đức Thành	572.100.000	529.110.000
Các đối tượng khác	2.511.623.870	7.615.723.512
Cộng	5.094.326.950	11.394.836.512

Tại ngày 31/12/2023 không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	1.932.886.550	2.406.511.702
Các khách hàng giao khoán xây dựng mộ	1.723.451.000	1.763.687.000
Công ty TNHH Trường Linh	-	270.905.790
Các đối tượng khác	209.435.550	371.918.912
Cộng	1.932.886.550	2.406.511.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	1.151.072.002	5.364.454.508	4.082.959.182	-	2.432.567.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.635.627.164	3.022.530.880	2.687.259.640	-	1.970.898.404
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.726.002	556.584.346	561.530.804	-	35.779.544
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	179.148.444	-	638.784.392	638.784.392	179.148.444	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	-	3.301.486.131	3.301.486.131	-	-
Cộng	179.148.444	2.827.425.168	12.886.840.257	11.275.020.149	179.148.444	4.439.245.276

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.574.746.230	14.191.712.885
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	279.745.788	1.453.877.760
Điều chỉnh tăng	279.745.788	1.453.877.760
- Phạt vi phạm hành chính, thuế bị truy thu	62.876.663	21.969.133
- Các khoản chi phí không được trừ	36.869.125	1.236.908.627
- Thủ lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	180.000.000	195.000.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.854.492.018	15.645.590.645
Thuế TNDN hiện hành	3.022.530.880	3.165.390.469
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.970.898.404	3.129.118.129
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này theo quyết định truy thu của Cục thuế Tỉnh Đắk Lắk	51.632.476	36.272.340
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.022.530.880	3.165.390.469

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuê đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả người lao động	22.622.355.497	24.713.498.829
Cộng	22.622.355.497	24.713.498.829

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	41.893.493	21.529.081
Chi phí tư vấn dự án	-	48.661.818
Chi phí khác	314.096.125	100.000.000
Cộng	355.989.618	170.190.899

17. Phải trả khác

17a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	6.677.884.878	10.156.457.753
- Kinh phí công đoàn	86.287.793	195.549.015
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	19.294.528	51.939.055
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (*)	5.872.853.896	9.220.137.896
- Tạm ứng	346.067.907	407.616.760
- Cổ tức phải trả	125.280.000	-
- Phải trả khác	228.100.754	281.215.027
Cộng	6.677.884.878	10.156.457.753

(*) Đây là giá trị của 07 xe chuyên dùng do UBND tỉnh Đắk Lắk tạm giao cho Công ty quản lý và sử dụng theo Công văn số 1582/UBND-KT ngày 01/3/2018 của UBND Tỉnh Đắk Lắk về việc tạm giao tài sản cho Công ty TNHH một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk quản lý ghi tăng tài sản cố định và phải trả khác sau khi khấu hao nộp trả tiền khấu hao về cho Nhà nước. (Xem thuyết minh số V.8).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	21.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	21.000.000	-
Cộng	21.000.000	-

(*) Đặt cọc tiền thuê nhà theo hợp đồng thuê nhà dài hạn số 01/2023/Hợp đồng thuê nhà ngày 01/03/2023 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD-DV ngày 10/03/2023.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	14.996.851.055	11.240.230.187	(14.996.851.055)	11.240.230.187
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đắk Lắk	14.996.851.055	-	(14.996.851.055)	-
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk	-	11.240.230.187	-	11.240.230.187
Cộng	14.996.851.055	11.240.230.187	(14.996.851.055)	11.240.230.187

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đắk Lắk theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2023/9313798/HĐTD, ngày 11/10/2023 với mức vay 4.069.076.404 đồng. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2024 kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số số 08/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024 (xem thuyết minh số V.2);
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 03/2023/9313798/HĐTD, ngày 07/11/2023 với mức vay 3.971.715.746 đồng. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2024 kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số số 06/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024 (xem thuyết minh số V.2);
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 04/2023/9313798/HĐTD, ngày 11/12/2023 với mức vay 3.199.438.037 đồng. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2024 kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số số 07/2023/9313798/HDTG ký ngày 05/05/2023, ngày đến hạn 05/05/2024. Mục đích vay để thanh toán lương cho người lao động, lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn (xem thuyết minh số V.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	1.918.468.630	1.225.548.630
Quỹ phúc lợi	2.089.379.760	2.709.371.278
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	3.387.289.000	3.712.021.000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	-
Cộng	7.395.137.390	7.646.940.908

Tình hình biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm:

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.225.548.630	945.000.000	(252.080.000)	1.918.468.630
Quỹ phúc lợi	2.709.371.278	-	(619.991.518)	2.089.379.760
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	3.712.021.000	-	(324.732.000)	3.387.289.000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	155.000.000	(155.000.000)	-
Cộng	7.646.940.908	1.100.000.000	(1.351.803.518)	7.395.137.390

20. Vốn chủ sở hữu

20 a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	66.200.000.000	985.000.000	17.012.795.990	84.197.795.990
Tăng trong năm	-	-	11.026.322.416	11.026.322.416
Giảm trong năm	-	-	(815.000.000)	(815.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	66.200.000.000	985.000.000	27.224.118.406	94.409.118.406
Số dư tại 01/01/2023	66.200.000.000	985.000.000	27.224.118.406	94.409.118.406
Tăng trong năm	-	3.300.000.000	11.552.215.350	14.852.215.350
Giảm trong năm	-	-	(13.337.000.000)	(13.337.000.000)
Số dư tại 31/12/2023	66.200.000.000	4.285.000.000	25.439.333.756	95.924.333.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20 b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	36,00%	23.832.000.000	36,00%	23.832.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	50,20%	33.234.000.000	44,89%	29.716.000.000
Các cổ đông khác	13,80%	9.134.000.000	19,11%	12.652.000.000
Cộng	100%	66.200.000.000	100%	66.200.000.000

20 c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	66.200.000.000	66.200.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	66.200.000.000	66.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

20 d. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.620.000	6.620.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.620.000	6.620.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20 e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	27.224.118.406	17.012.795.990
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	11.552.215.350	11.026.322.416
Phân phối lợi nhuận	13.337.000.000	815.000.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	13.337.000.000	815.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	945.000.000	780.000.000
- Trích quỹ khen thưởng BQL điều hành	155.000.000	35.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.300.000.000	-
- Chia cổ tức	8.937.000.000	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.439.333.756	27.224.118.406

21. Nguồn kinh phí và quỹ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí Đầu tư xây dựng cơ bản	221.525.739.254	283.330.913.254
Nguồn kinh phí sự nghiệp	826.649.788	561.591.531
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	78.490.256.766	85.336.994.766
Cộng	300.842.645.808	369.229.499.551

Tình hình biến động nguồn kinh phí và quỹ khác trong năm

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguồn kinh phí Đầu tư xây dựng cơ bản	283.330.913.254	1.558.296.000	(63.363.470.000)	221.525.739.254
Nguồn kinh phí sự nghiệp	561.591.531	608.475.000	(343.416.743)	826.649.788
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	85.336.994.766	-	(6.846.738.000)	78.490.256.766
Cộng	369.229.499.551	2.166.771.000	(70.553.624.743)	300.842.645.808

22. Tài khoản ngoài bảng

Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ là các tài sản bỏ ra khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, hiện Công ty vẫn đang quản lý chưa bàn giao về cho cơ quan nhà nước, cụ thể:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chỉ tiêu	Số cuối năm		
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Máy móc thiết bị	1.050.235.000	1.050.235.000	-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000	267.000.000	-
Cộng	1.317.235.000	1.317.235.000	-

Chỉ tiêu	Số đầu năm		
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá		Giá trị còn lại
- Máy móc thiết bị	1.050.235.000		-
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	267.000.000		-
Cộng	1.317.235.000		-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	74.598.143	51.220.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.476.724.732	137.747.501.348
Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.678.547.811	29.767.833.530
Cộng	171.229.870.686	167.566.555.580

1b. Trong đó, doanh thu với các bên liên quan trong năm không phát sinh

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	4.522.367.004	985.133.350
Cộng	4.522.367.004	985.133.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.268.534	37.761.085
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	125.195.556.260	113.187.828.410
Giá vốn của hoạt động xây lắp	17.964.967.149	27.066.175.183
Cộng	143.215.791.943	140.291.764.678

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.698.348.963	2.256.487.281
Cộng	3.698.348.963	2.256.487.281

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	194.743.391	202.102.866
Cộng	194.743.391	202.102.866

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.659.194.883	8.391.026.782
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	224.004.222	214.810.874
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.020.683.000	867.314.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	735.567.829	234.463.047
Chi phí khác bằng tiền	2.193.611.463	2.285.590.805
Cộng	12.833.061.397	11.993.205.690

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường	99.538.000	280.438.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	425.256.727	85.880.569
Các khoản thu nhập khác	64.231.566	-
Cộng	589.026.293	366.318.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Trả tiền gốc vay trước đây đã xử lý vào thu nhập khác	-	118.000.000
Lỗ thanh lý TSCĐ	-	2.157.573.761
Chi phí sửa tài sản được bồi thường	68.587.789	174.919.439
Chi phí tổ chức đại hội cổ đông và công bố thông tin	36.869.125	52.946.900
Các khoản phạt và truy thu thuế	62.876.663	21.969.133
Các khoản khác	8.202.400	32.728
Cộng	176.535.977	2.525.441.961

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.961.871.932	49.004.885.897
Chi phí nhân công	85.971.836.607	85.410.576.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.279.238.547	8.970.941.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.596.294.129	4.492.549.108
Chi phí khác bằng tiền	6.615.330.410	3.086.667.335
Cộng	155.424.571.625	150.965.619.682

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.552.215.350	11.026.322.416
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.155.221.535)	(1.100.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	(1.155.221.535)	(1.100.000.000)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.396.993.815	9.926.322.416
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000	6.620.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.571	1.499

(*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023. Theo đó, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 1.100.000.000 đồng. Do đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước trước điều chỉnh	Năm trước sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.523	1.499	(24)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.523	1.499	(24)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm nay được xác định căn cứ vào việc tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-DHDCD ngày 28/04/2023 và sẽ điều chỉnh khi có quyết định chính thức của Đại Hội đồng cổ đông.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.396.993.815	9.926.322.416
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.396.993.815	9.926.322.416
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.620.000	6.620.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.571	1.499

(*) Xem thuyết minh số 10

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	Cổ đông lớn chiếm 50,20% vốn điều lệ

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan**c. Số dư với các bên liên quan**

Tên Công ty	31/12/2023	01/01/2023
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam	-	1.279.308.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Thu nhập của Ban điều hành

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023			
			Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	-	120.000.000
2	Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	360.608.000	96.000.000	7.290.000	463.898.000
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	331.782.000	60.000.000	6.885.000	398.667.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	333.992.000	60.000.000	-	393.992.000
5	Lê Thị Oanh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
7	Lê Văn Chính	Trưởng ban kiểm soát	313.300.000	-	3.375.000	316.675.000
8	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên BKS	186.220.000	60.000.000	6.075.000	252.295.000
9	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên BKS	152.724.220	60.000.000	2.700.000	215.424.220
10	Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	312.157.000	-	6.750.000	318.907.000
11	Nguyễn Quốc Tuấn	Thư ký HĐQT-Người quản trị	183.503.000	124.800.000	4.050.000	312.353.000
Tổng cộng			2.174.286.220	640.800.000	37.125.000	2.852.211.220

STT	Ban QLĐH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022			
			Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	-	120.000.000
2	Bùi Văn Quý	Tổng Giám đốc	375.805.000	96.000.000	-	471.805.000
3	Lê Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc	346.806.000	60.000.000	-	406.806.000
4	Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	348.272.000	60.000.000	-	408.272.000
5	Lê Thị Oanh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
6	Lê Văn Chính	Trưởng ban kiểm soát	322.955.000	-	-	322.955.000
7	Phan Thị Thùy Phương	Thành viên BKS	178.604.000	60.000.000	-	238.604.000
8	Phan Thị Lam	Thành viên BKS	-	15.000.000	-	15.000.000
9	Phạm Ngọc Trâm	Thành viên BKS	127.720.979	40.000.000	-	167.720.979
10	Lê Nguyễn Vũ	Kế toán trưởng	324.558.000	-	-	324.558.000
11	Nguyễn Quốc Tuấn	Thư ký HĐQT-Người quản trị	179.984.000	124.800.000	-	304.784.000
Cộng			2.204.704.979	635.800.000	-	2.840.504.979

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu giá vốn của Công ty theo khu vực địa lý chỉ phát sinh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay

STT	Chỉ tiêu/lĩnh vực	Bán thùng rác	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải, chăm sóc duy trì cây xanh, điện chiếu sáng công cộng	Xây dựng mộ, dịch vụ xây lắp sửa chữa và đường	Hoạt động tài chính	Cộng
1	Doanh thu	74.598.143	150.476.724.732	20.678.547.811	3.698.348.963	174.928.219.649
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	4.516.543.940	5.823.064	-	4.522.367.004
3	Giá vốn	55.268.534	125.195.556.260	17.964.967.149	194.743.391	143.410.535.334
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho từng hoạt động	5.472.659	11.039.253.993	1.517.016.947	271.317.798	12.833.061.397
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.856.950	9.725.370.539	1.190.740.651	3.232.287.774	14.162.255.914

Năm trước

STT	Chỉ tiêu/lĩnh vực	Bán thùng rác	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải, chăm sóc duy trì cây xanh, điện chiếu sáng công cộng	Xây dựng mộ, dịch vụ xây lắp sửa chữa và đường	Hoạt động khác	Cộng
1	Doanh thu	51.220.702	137.747.501.348	29.767.833.530	2.256.487.281	169.823.042.861
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	973.030.622	12.102.728	-	985.133.350
3	Giá vốn	37.761.085	113.187.828.410	27.066.175.183	202.102.866	140.493.867.544
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho từng hoạt động	3.617.297	9.727.973.832	2.102.257.411	159.357.150	11.993.205.690
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.842.320	13.858.668.484	587.298.208	1.895.027.265	16.350.836.277

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 01 Đào Duy Từ, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



TRẦN THỊ THẢO

Kế toán trưởng



LÊ NGUYÊN VŨ

Đông Giám đốc



BUI VĂN QUÝ

